TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 5 - 2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2018 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh **Nghê Văn D** – sinh năm 1974 (có mặt)

Trú tại: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu H** - sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Nhà không số, đường X, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nghê Văn D tình bày như sau:

Hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn năm 2010. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cự cải nhau. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Con chung: Có 01 người tên Nghê Hoàng Đ (nam) – sinh ngày 30/9/2011 đang chung sống với chị H, anh giao con cho chị H nuôi dạy, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 10/4/2018, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị H thừa nhận lời trình bày của anh D là đúng. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D, chị H đồng ý nhận nuôi con và có yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Về hôn nhân: Anh D với chị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng, thời gian đầu năm 2015 giữa anh D với chị H có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cải nhau nên không thể hàn gắn được, tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị H, ngược lại tại bản tự khai ngày 10/4/2018 chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D với chị H như đã trình bày trên là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của anh D về việc được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Có 01 người tên Nghê Hoàng Đ (nam) – sinh ngày 30/9/2011 đang chung sống với chị H, anh D giao con cho chị H nuôi dạy, chị H đồng ý. Để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D, giao con cho chị H tiếp tục nuôi dạy.

Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H, vì vậy buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình, án phí cấp dưỡng anh D phải nộp theo quy định.

[7] Về thủ tục tố tụng: Chị H vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nghê Văn D.

Về hôn nhân: Anh Nghê Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Giao Nghê Hoàng Đ (nam) – sinh ngày 30/9/2011 hiện đang sống với chị H cho chị H tiếp tục nuôi dạy.

Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng với số tiền 5.000.000đồng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không tự nguyện thi hành xong, còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến thi hành xong.

Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

- Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nghê Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 19/3/2018 anh D đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 0000491 nên được chuyển thu án phí.

- Án phí cấp dưỡng anh D phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Án xử sơ thẩm, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh C.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- UBND xã P, h.M;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Việt Trung